

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP SÀI GÒN

Vào lúc 9 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại 130/2 Kha Vạn Cân - phường Hiệp Bình Chánh - Tp. Thủ Đức - Tp. Hồ Chí Minh, Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn bầu với thành phần như sau:

- | | | |
|----------------------------|----------------------|------------|
| 1./ Bà Đỗ Thị Thanh Hương | TP - Phòng TC-KH | Trưởng ban |
| 2./ Bà Đỗ Thị Thúy Ngân | Trợ lý Tổng Giám đốc | Phó ban |
| 3./ Ông Trần Quang Nhất | NV - Phòng KT-KD | Thành viên |
| 4./ Bà Phạm Thị Trúc Hương | NV - Phòng NS-HC | Thành viên |
| 4./ Bà Ngô Đắc Thanh Hằng | NV - Phòng TC-KH | Thành viên |

Thành viên Ban kiểm phiếu đã thực hiện việc kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn, kết quả như sau:

A. BIỂU QUYẾT BẢNG HÌNH THỨC GIƠ THẺ

1. Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.317.396	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

2. Đại hội biểu quyết thông qua số lượng thành viên Ban chủ tọa Đại hội

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.317.396	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

3. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách thành viên Ban chủ tọa Đại hội

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.317.396	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%



Handwritten signature

4. Đại hội biểu quyết thông qua số lượng thành viên Ban kiểm phiếu

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.317.396	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

5. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách thành viên Ban kiểm phiếu

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.317.396	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

6. Đại hội biểu quyết thông qua Nội dung và chương trình của Đại hội

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

7. Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	8.361.401	3.066.500	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	73,17%	26,83%	0,00%

8. Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	8.361.401	3.066.500	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	73,17%	26,83%	0,00%

9. Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029; Thông qua và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

10. Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình về danh sách ứng viên bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

11. Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029; Thông qua và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

12. Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình về danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	8.361.401	3.066.500	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	73,17%	26,83%	0,00%

13. Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT - BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

14. Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

15. Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

Hình thức biểu quyết: giờ thẻ

Kết quả biểu quyết:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

B. BIỂU QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BỎ PHIẾU KÍN

Báo cáo tình hình phiếu đã phát cho cổ đông

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết
Số phiếu biểu quyết đã phát:	16	11.427.901
Số phiếu biểu quyết đã thu về:	16	11.427.901

Kết quả kiểm các phiếu như sau:

1. Biểu quyết thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Trong đó:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	8.361.401	3.066.500	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	73,17%	26,83%	0,00%

Như vậy, theo điều lệ, với tỷ lệ đồng ý 73,17% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

2. Biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024 và định hướng năm 2025

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Trong đó:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	8.361.401	3.066.500	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	73,17%	26,83%	0,00%

Như vậy, theo điều lệ, với tỷ lệ đồng ý 73,17% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ, Đại hội đã thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2024 và định hướng năm 2025

3. Biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và định hướng năm 2025

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Trong đó:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

Như vậy, theo điều lệ, với tỷ lệ đồng ý 100,00% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ, Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và định hướng năm 2025

4. Biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Trong đó:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

Như vậy, theo điều lệ, với tỷ lệ đồng ý 100,00% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ, Đại hội đã thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán

5. Biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Trong đó:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	8.356.401	3.071.500	0
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	73,12%	26,88%	0,00%

Như vậy, theo điều lệ, với tỷ lệ đồng ý 73,12% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ, Đại hội đã thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

6. Biểu quyết thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Trong đó:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	8.361.401	3.066.500	0
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	73,17%	26,83%	0,00%

Như vậy, theo điều lệ, với tỷ lệ đồng ý 73,17% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ, Đại hội đã thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

7. Biểu quyết thông qua Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Trong đó:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	100,00%	0,00%	0,00%

Như vậy, theo điều lệ, với tỷ lệ đồng ý 100,00% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ, Đại hội đã thông qua Báo cáo thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch trả thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025

8. Biểu quyết thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kết quả biểu quyết:

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Trong đó:

	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Số lượng cổ phần	11.427.901	-	-
Tỉ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết	100,00%	0,00%	0,00%

Như vậy, theo điều lệ, với tỷ lệ đồng ý 100,00% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ, Đại hội đã thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

9. Kết quả bỏ phiếu bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu đã phát:	16	11.427.901	
Số phiếu đã thu về:	16	11.427.901	
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Kết quả bỏ phiếu bầu bổ sung 01 (một) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 -2029:

STT	Họ và tên Ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1	Đỗ Anh Dũng	11.427.901	100,00%
	Tổng cộng	11.427.901	100%

Căn cứ quy chế bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua, Ông Đỗ Anh Dũng đã trúng cử vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn nhiệm kỳ 2024 - 2029

12. Kết quả bỏ phiếu bầu bổ sung 01 (một) Kiểm Soát viên nhiệm kỳ 2024 - 2029

	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu đã phát:	16	11.427.901	
Số phiếu đã thu về:	16	11.427.901	
Số phiếu không hợp lệ:	0	0	0,00%
Số phiếu hợp lệ:	16	11.427.901	100,00%

Kết quả bỏ phiếu bầu bổ sung 01 (một) thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029:

STT	Họ và tên Ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Ngọc Anh	11.427.901	100,00%
	Tổng cộng	11.427.901	100%

Căn cứ quy chế bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua, Ông Nguyễn Ngọc Anh đã trúng cử vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn nhiệm kỳ 2024 - 2029

Trên đây là kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn, biên bản được lập vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

BAN KIỂM PHIẾU

1./ Bà Đỗ Thị Thanh Hương



2./ Bà Đỗ Thị Thúy Ngân



3./ Ông Trần Quang Nhất



4./ Bà Phạm Thị Trúc Hương



5./ Bà Ngô Đắc Thanh Hằng






Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2025

**QUY CHẾ
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn.
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, người tham dự họp Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành họp Đại hội.

Điều 2. Điều kiện tham dự họp Đại hội

Các Cổ đông có tên trong danh sách Cổ đông tại Ngày đăng ký cuối cùng (13/3/2025) có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội. Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty.

Điều 3. Quyền của Cổ đông khi tham dự họp Đại hội

1. Được tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm Pháp luật có liên quan.
2. Được thông báo công khai nội dung chương trình họp Đại hội.
3. Được thảo luận và biểu quyết thông qua tất cả nội dung họp Đại hội.
4. Khi đăng ký tham dự họp Đại hội, mỗi Cổ đông được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và tài liệu họp.
5. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để Cổ đông đến muộn thực hiện thủ tục đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 4. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự họp Đại hội

1. Đăng ký tham dự họp với Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông:
 - a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân: Cổ đông phải xuất trình thư mời họp, căn cước công dân hoặc hộ chiếu, giấy ủy quyền hợp lệ (đối với đại diện được ủy quyền).



- b) Trường hợp Cổ đông là tổ chức: Cổ đông phải xuất trình thư mời họp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy ủy quyền hợp lệ (đối với người đại diện được ủy quyền còn cần phải có căn cước công dân hoặc hộ chiếu).
2. Tuân thủ các quy định tại quy chế này, sự điều khiển của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.
 3. Tuân thủ sự sắp xếp chỗ ngồi do Ban tổ chức quy định.
 4. Cài điện thoại di động ở chế độ im lặng, không điện thoại gây ồn ào trong lúc diễn ra Đại hội.
 5. Tham dự họp Đại hội từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc họp Đại hội. Trong trường hợp vì lý do bất khả kháng phải rời cuộc họp sớm thì Cổ đông có nghĩa vụ liên hệ với Ban tổ chức để thông báo ý kiến của mình bằng văn bản về những nội dung sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông do Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc thành lập và được giới thiệu với Đại hội.
2. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông có quyền và nghĩa vụ:
 - a) Kiểm tra tư cách Cổ đông đến dự họp Đại hội: Kiểm tra thư mời họp, căn cước công dân hoặc hộ chiếu, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giấy ủy quyền.
 - b) Phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và tài liệu họp.
 - c) Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm những người không có tên trong danh sách ứng cử viên được bầu tại Đại hội. Danh sách Ban Kiểm phiếu do Ban Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua trước Đại hội.
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a) Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội:
 - Hướng dẫn cổ đông cách sử dụng thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết;
 - Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả biểu quyết trước Đại hội;
 - Thu lại phiếu biểu quyết sau khi kết thúc Đại hội.
 - b) Đối với việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029:
 - Hướng dẫn quy chế bầu cử và cách sử dụng phiếu bầu cử;

- Xem xét, đánh giá và kết luận các phiếu bầu không hợp lệ và tổng hợp những ý kiến khiếu nại về bầu cử (nếu có).
- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội;
- Niêm phong phiếu bầu cử để bàn giao cho Ban chủ tọa.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa cuộc họp. Các thành viên khác của Ban Chủ tọa do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.
Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội bầu chủ tọa trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
2. Ban Chủ tọa có chức năng điều khiển cuộc họp. Quyết định của Ban Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
3. Ban Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
4. Chủ tọa có thể hoãn họp Đại hội ngay cả khi đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:
 - a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện tại địa điểm tổ chức họp Đại hội.
 - b) Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký

1. Danh sách Ban Thư ký do Ban Chủ tọa đề cử.
2. Ban Thư ký có nhiệm vụ lập biên bản họp, dự thảo nghị quyết của Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp khác theo sự phân công của Ban Chủ tọa.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội

Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho **trên 50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 10. Cách thức tiến hành họp Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong nửa ngày.
2. Đại hội sẽ thảo luận và thông qua các nội dung được đưa ra tại Đại hội.
3. Phát biểu ý kiến tại Đại hội:
 - a) Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu ý kiến theo mẫu của Ban tổ chức hoặc gior cao thẻ biểu quyết để đề nghị phát biểu. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, Cổ đông đăng ký phát biểu theo phiếu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước, sau đó lần lượt tới các Cổ đông gior thẻ biểu quyết.
 - b) Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình họp Đại hội. Chủ tọa có quyền nhắc nhở, đề nghị Cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.
4. Việc biểu quyết và bầu cử tại Đại hội tuân theo thể lệ và quy chế được Đại hội thông qua trước khi tiến hành biểu quyết và bầu cử.

Điều 11. Thông qua quyết định của Đại hội

1. Quyết định của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho **trên 50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp.
2. Các quyết định sau đây của Đại hội chỉ được thông qua khi có sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất **65%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội:
 - a) Quyết định liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
 - c) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, tổ chức lại hay giải thể công ty;
 - e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2024;
 - f) Hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2024 với một bên là:
 - Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; hoặc
 - Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ.

g) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 giữa Công ty và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đó, trừ trường hợp bị cấm theo Pháp luật chứng khoán, quy định áp dụng cho công ty đại chúng và Pháp luật có liên quan.

Điều 12. Biên bản họp

1. Nội dung họp Đại hội phải được lập biên bản. Biên bản họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì việc triệu họp Đại hội lần thứ hai phải được thực hiện trong vòng 30 ngày, kể từ ngày dự định họp Đại hội lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì việc triệu tập Đại hội lần thứ ba phải được thực hiện trong vòng 20 ngày, kể từ ngày dự định họp Đại hội lần thứ hai. Khi đó, cuộc họp Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Cổ đông và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Phạm Viết Dương



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2025

QUY CHẾ BẦU CỬ

BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2024 – 2029

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán và Luật sửa 9 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn.

Công tác bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2024 – 2029 tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn (“Công ty”) được tiến hành như sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử:

Việc bầu cử phải tuân theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp với Quy chế này.

2. Đối tượng tham gia bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 13/3/2025) có mặt tại ĐHĐCĐ là những người tham gia bầu cử.

Điều 2. Số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS bầu bổ sung và nhiệm kỳ

- Số thành viên HĐQT được bầu bổ sung là 01 (một) người.
- Số thành viên BKS được bầu bổ sung là 01 (một) người.
- Nhiệm kỳ: 2024 – 2029.



Điều 3. Phương thức bầu cử

1. Phiếu bầu cử:

Cổ đông, người được ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025 khi làm thủ tục đăng ký tham dự tại Đại hội sẽ được phát 01 Phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT và 01 Phiếu bầu bổ sung thành viên BKS. Phiếu bầu cử phải có đầy đủ nội dung sau:

- Họ và tên cổ đông, mã số cổ đông;
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông;
- Tổng số phiếu bầu (bằng với số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với 1 đối với Phiếu bầu thành viên HĐQT và nhân với 1 đối với Phiếu bầu thành viên BKS);
- Được in sẵn tên người ứng cử hoặc được đề cử sắp xếp theo thứ tự ABC có đóng dấu treo Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn bên góc trái của Phiếu bầu.

Cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu để đổi lấy phiếu mới.

2. Thẻ thức bầu cử:

Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện theo thẻ thức dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện nhân với số thành viên được bầu bổ sung của HĐQT, của BKS và được ghi rõ trong phiếu bầu. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn.

Ví dụ:

Cổ đông sở hữu 1.000 cổ phần, sẽ được phát 02 Phiếu bầu như sau:

- Phiếu bầu thành viên HĐQT: Cổ đông sẽ có $1.000 \times 1 = 1.000$ phiếu bầu (Công ty đã ghi sẵn số phiếu bầu trên Phiếu bầu cử);
- Phiếu bầu thành viên BKS: Cổ đông sẽ có $1.000 \times 1 = 1.000$ phiếu bầu (Công ty đã ghi sẵn số phiếu bầu trên Phiếu bầu cử);
- Cổ đông có thể dồn hết 1.000 phiếu bầu HĐQT cho 01 ứng viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng viên có tên trong danh sách sao cho tổng số phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng 1.000, nếu cao hơn thì phiếu bầu sẽ không hợp lệ;
- Cổ đông có thể dồn hết 1.000 phiếu bầu thành viên BKS cho 01 ứng viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng viên có tên trong danh sách sao cho tổng số phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng 1.000, nếu cao hơn thì phiếu bầu sẽ không hợp lệ;
- Cổ đông không bầu cho người nào trong danh sách bầu cử thì phải có dấu gạch

chéo (X) vào ô số phiếu được bầu của ứng viên đó.

3. Phiếu bầu không hợp lệ:

Phiếu bầu không hợp lệ là các phiếu như sau:

- Phiếu không có dấu treo của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
- Phiếu viết thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thông qua;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu lớn hơn số phiếu bầu được phép;
- Phiếu thiếu chữ ký của cổ đông hoặc người ủy quyền tham dự.

Điều 4. Kiểm phiếu bầu

Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra có trách nhiệm kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội. Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu phải được bàn giao lại cho Chủ tọa phiên họp.

Điều 5. Điều kiện trúng cử

Người trúng cử bầu bổ sung vào HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại riêng đối với những ứng viên đó.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Ban Chủ tọa chủ trì công tác bầu thành viên HĐQT, BKS, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu và giải quyết các khiếu nại về bầu cử (nếu có).

Quy chế bầu cử này được trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và được thông qua khi được sự chấp thuận của cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội với tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Phạm Viết Dương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, hoạt động của Hội đồng Quản trị
năm 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

I. Khái quát chung về Công ty:

Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, có trụ sở tại: số 08 Hoàng Hoa Thám, Phường 07, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 23/5/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ (VĐL) của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 117 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là FRM.

Tổ chức Công ty gồm:

- + **Hội đồng Quản trị:** 05 (năm) thành viên
- + **Ban Kiểm soát:** 03 (ba) thành viên
- + **Ban Điều hành:** Một (01) Tổng Giám đốc điều hành và 03 phòng chức năng

II. Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty năm 2024:

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu năm 2024:

*** Đối với riêng Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn:**

- Doanh thu và thu nhập: 47,526 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 6,834 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 5,334 tỷ đồng.
- Tổng tài sản: 156,014 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 137,778 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách, số đã nộp: 9,739 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân: 11.000.000 đồng/người/tháng.

*** Kết quả sau khi hợp nhất Công ty Mẹ - Công ty Con:**



- Tổng doanh thu và thu nhập: 48,234 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 6,834 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 5,334 tỷ đồng.
- Tổng tài sản: 156,025 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 137,778 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách, số đã nộp: 9,744 tỷ đồng.

III. Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

1. Hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

- HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được qui định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Công ty để lãnh đạo các mặt hoạt động của Công ty. Chỉ đạo Công ty thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ giao trong hoàn cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi tình hình chính trị bất ổn trên thế giới, chi phí đầu vào tăng cao... ; tình hình tài chính Công ty vẫn lành mạnh; bảo toàn và phát triển vốn;
- HĐQT đã chỉ đạo Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý phải tuân thủ theo đúng Điều lệ, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, Quy chế Quản trị Công ty Mẹ - Công ty Con, các quy chế khác...; ban hành bổ sung các Quyết định kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Quyết định công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Quyết định và chỉ đạo giám sát chặt chẽ công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT;
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 và các kế hoạch khác trình ĐHĐCĐ;
- Chỉ đạo chuẩn bị nội dung và công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

2. Các hoạt động thường kỳ

Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ thông qua các vấn đề quan trọng như sau:

Stt	Biên bản họp	Nội dung	Số thành viên HĐQT tham gia
1	02/02/2024	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024	5/5
2	14/3/2024	Thông qua thời gian tổ chức và nội dung chương trình Đại hội đồng cổ	5/5

Stt	Biên bản họp	Nội dung	Số thành viên HĐQT tham gia
		đồng thường niên 2024	
3	02/4/2024	Thông qua việc tiếp tục duy trì hình thức cho vay tín chấp	5/5
4	23/4/2024	Phiên họp đầu tiên của HĐQT nhiệm kỳ 2024 – 2029: bầu Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, bổ nhiệm thư ký HĐQT	5/5
5	23/4/2024	Thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029	5/5
6	13/5/2024	Thông qua chủ trương thanh lý 64,99 ha cao su già cỗi kém hiệu quả tại Đội Đăk Ô – Bình Phước	5/5
7	26/7/2024	Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	5/5

Hội đồng Quản trị thay mặt Đại hội đồng Cổ đông quản lý Công ty. Trong năm 2024 thực hiện việc quản lý theo đúng các quy chế của Công ty đã ban hành, cùng với đó là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của Pháp luật Nhà nước.

Kết quả đạt được trong năm 2024, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Mặc dù trong tình hình chi phí đầu vào tăng cao, nền kinh tế toàn cầu bất ổn bởi ảnh hưởng của tình hình chính trị trên thế giới ... nhưng với sự cố gắng chung của toàn Công ty việc sản xuất kinh doanh vẫn vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, Công ty vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, quyền lợi của các Cổ đông vẫn được đảm bảo.

3. Đánh giá chung:

Các phiên họp HĐQT đều được triệu tập đúng theo qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền Quyết định của HĐQT được xem xét và biểu quyết theo nguyên tắc “đa số” và được ban hành dưới các hình thức văn bản Nghị quyết, Quyết định. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đến Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát. Các Nghị quyết/Quyết định do HĐQT ban hành đều được Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đầy đủ, tích cực và cơ bản đạt được những mục tiêu HĐQT Công ty đề ra.

4. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty:

- Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT. Đã có nhiều biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD năm 2024 trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn. Thủ tục pháp lý về ký lại hợp đồng thuê đất sau cổ phần hóa chưa được giải quyết nên Công ty vẫn chưa thể triển khai dự án tại các mặt bằng nhà xưởng để mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Lĩnh vực khai thác mỏ cao su chịu ảnh hưởng nhiều từ thị trường Trung Quốc, sản lượng mỏ giảm do diện tích cây già cỗi ngày càng nhiều, thời tiết tiêu cực nên hiệu quả đạt được chưa cao. Tuy nhiên, với sự linh hoạt trong quá trình quản lý điều hành và sự cố gắng nỗ lực cao thì Công ty vẫn đạt được kết quả sản xuất kinh doanh vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra ban đầu, cụ thể doanh thu đạt 100,86% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 205,15% kế hoạch;
- Đã góp phần giữ vững sự ổn định, củng cố niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng của Công ty;
- Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp tại Điều lệ và các qui định nội bộ của Công ty; đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và diễn biến thị trường nhằm đạt được những mục tiêu kế hoạch năm 2024 của Công ty;
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các qui định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom.

5. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị

Thù lao và các chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Thù lao của HĐQT thực hiện năm 2024: 204.000.000 đồng chi tiết như sau:

- + Chủ tịch HĐQT: 60.000.000 đồng.
- + Thành viên HĐQT: 144.000.000 đồng.

IV. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính:

Hội đồng Quản trị dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

** Đối với riêng Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn:*

- Doanh thu và thu nhập: 44,039 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2,600 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 1,650 tỷ đồng
- Vốn điều lệ: 117 tỷ đồng
- * Khi hợp nhất Công ty Mẹ - Công ty Con:
- Tổng doanh thu và thu nhập: 44,841 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2,600 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1,650 tỷ đồng
- Vốn điều lệ: 117 tỷ đồng

2. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025:

Năm 2025, kế hoạch hoạt động của HĐQT sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Tiếp tục củng cố phát triển ngành nghề truyền thống của Công ty (Trồng rừng nguyên liệu giấy; khai thác mỏ rừng cây cao su; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng; Kho bãi; Nuôi cá sấu – kinh doanh cá sấu và sản phẩm da cá sấu). Đồng thời tìm kiếm các hoạt động kinh doanh thương vụ, hoạt động đầu tư tài chính; Đầu tư dự án;
- Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên, Công ty sẽ thực hiện hoạt động đầu tư tài chính từ nguồn vốn nhàn rỗi của Công ty nếu xét thấy hoạt động đầu tư đem lại hiệu quả, đúng quy định;
- Với nhiều tiềm năng về quy mô tài sản, năng lực sản xuất, lợi thế của các mặt bằng nhà xưởng và công nghệ canh tác, khi hoàn thiện thủ tục pháp lý về ký lại hợp đồng thuê đất tại các mặt bằng nhà đất thì FORIMEX sẽ có nhiều cơ hội để đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển các dự án đầu tư kết hợp giữa sản xuất và các mảng kinh doanh mới;
- Đảm bảo an toàn tài chính của Công ty, bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, quyền lợi của Cổ đông, sử dụng hiệu quả nguồn vốn;
- Giám sát, theo dõi chặt chẽ, kịp thời quá trình điều hành hoạt động, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- Forimex tiếp tục kiến nghị các Sở Ngành sớm ký lại hợp đồng thuê đất tại tất cả các mặt bằng mà Nhà nước đã giao khi cổ phần hóa cho Công ty Cổ phần và hoàn thiện hồ sơ pháp lý đất đai để triển khai đầu tư phát triển dự án;
- Kính thưa quý Cổ đông, trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025;
- Thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự cố gắng của cán bộ công nhân viên trong Công ty; sự ủng hộ và tin tưởng của Quý Cổ đông, các

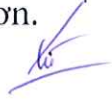


8

đối tác trong năm qua. Rất mong tiếp tục nhận được sự động viên, ủng hộ của Quý Cổ đông và các đối tác trong năm 2025.

Kính mong Quý Cổ đông đóng góp ý kiến để xây dựng Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn ngày càng phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn.



**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Viết Dương



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2025
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn (sau đây gọi là “Công ty”) hiện gồm 03 thành viên:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hoa	Trưởng ban kiểm soát
2	Nguyễn Phan Tâm Anh	Thành viên
3	Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các lĩnh vực trọng yếu bao gồm:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc tuân thủ các chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đánh giá sự phối hợp trong công tác điều hành giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.
- Giám sát chấp hành chế độ kế toán quản lý tài chính.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đây là công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, Ban kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản

xuất kinh doanh năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy chế, quy định khác về quản lý tài chính của Công ty.

- Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 như sau:

Về kết quả kinh doanh:

Doanh thu và thu nhập khác : 48,234 tỷ đồng

Tổng lợi nhuận trước thuế : 6,834 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế : 5,334 tỷ đồng

Về tài sản của Công ty:

Tổng tài sản : 156,025 tỷ đồng

Tổng nợ phải trả (ngắn hạn) : 18,246 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu : 137,778 tỷ đồng, Trong đó:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 117,000 tỷ đồng

2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

- Năm 2024, công tác chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính của công ty được thực hiện tốt, cụ thể như: tuân thủ các báo cáo theo quy định của pháp luật, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn.
- Chưa có ghi nhận trong của các cơ quan chức năng đánh giá có vi phạm trong công tác quản lý tài chính.

3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- Hội đồng quản trị có 05 thành viên đủ cơ cấu để hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty.
- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ trong việc định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị họp do Chủ tịch HĐQT chủ trì thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ và Quy định nội bộ của Công ty.
- Các cuộc họp HĐQT có thông báo cho các thành viên BKS.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức cho triển khai thực hiện các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều bám

sát tình hình thực tế hoạt động của Công ty, theo đúng tinh thần của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, từ đó thực hiện tốt chức năng quản trị và định hướng cho hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc.

- Thực hiện báo cáo đúng quy định quý, năm.
- Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo công ty đã nỗ lực điều hành sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả tốt nhất.

4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị và căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong năm 2024, BKS được Ban Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Năm 2024, Ban kiểm soát chưa thấy dấu hiệu bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc của Công ty

5. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, trong năm 2024 Ban kiểm soát Công ty đã triển khai thực hiện:

- Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty chủ động kiểm soát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn.
- Tăng cường công tác Kiểm soát nội bộ nhằm chủ động ngăn ngừa và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm hoặc tồn tại, bất cập trong kinh doanh để Công ty hoạt động an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.
- Hoàn thành tốt các công việc khác theo qui định pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Trong năm 2025, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành của Công ty trên cơ sở giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty.
 - Giám sát việc tuân thủ các chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, đánh giá sự phối hợp trong công tác điều hành giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.
 - Kiểm soát định kỳ báo cáo tài chính Công ty, chú trọng công tác báo cáo quản trị định kỳ.
 - Thực hiện các công việc khác trong chức năng và nhiệm vụ.
- Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

TM. BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ HOA



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024 là năm mà nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn trong bối cảnh bị ảnh hưởng bởi tình hình chính trị bất ổn trên thế giới. Hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước còn nhiều trở ngại và khó khăn, thuế, tiền thuê đất và chi phí vận chuyển tăng cao... dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp trong nước thu hẹp sản xuất hoặc phải đóng cửa, ngừng hoạt động. Chính điều này đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù công tác quyết toán chuyển thể của Công ty cổ phần đã hoàn thành nhưng do Nhà nước có nhiều chính sách thay đổi về luật, đặc biệt là Luật Đất đai mới 2024 đã áp dụng nên các thủ tục pháp lý về ký lại hợp đồng thuê đất sau cổ phần hóa vẫn chưa được giải quyết hoàn toàn. Sau rất nhiều nỗ lực, Công ty cũng chỉ được ký lại hợp đồng thuê đất tại xã Phạm Văn Hai huyện Bình Chánh, trong khi các khu đất còn lại chưa được giải quyết. Do đó, Công ty vẫn chưa thể triển khai kế hoạch thực hiện dự án tại các mặt bằng nhà đất để nâng cao hiệu quả kinh doanh, mở rộng sản xuất kinh doanh. Việc chưa được ký lại các hợp đồng thuê đất cũng ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả kinh doanh trong năm của Công ty do Công ty không được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước về việc giảm tiền thuê đất, ổn định tiền thuê đất 5 năm, trong khi tiền thuê đất vẫn tiếp tục tăng.

Trong năm 2024, tuy còn nhiều khó khăn nhưng Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo, thúc đẩy mạnh hoạt động trong một số lĩnh vực chính của Công ty như: Khai thác các mặt bằng nhà đất có thể mạnh với các đối tác tiềm năng, có năng lực tốt. Trong lĩnh vực khai thác rừng cây cao su thì mặc dù giá mủ cao su chịu ảnh hưởng nhiều từ thị trường Trung Quốc, sản lượng mủ giảm do diện tích cây già cỗi ngày càng nhiều và ảnh hưởng từ thời tiết tiêu cực nhưng Công ty vẫn cố gắng tập trung nguồn lực khai thác triệt để, tiết kiệm chi phí tối đa nhằm nâng cao hiệu quả và đồng thời cho tiến hành thanh lý một số diện tích rừng cây cao su già cỗi không còn khả năng khai thác mủ tại Đội Đắc Ở huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước để chuyển sang trồng cây keo lai hiệu quả hơn. Đối với rừng cây keo lai tại Bình Thuận thì tập trung tối đa nhân lực để chăm sóc, bảo vệ rừng đặc biệt là diện tích sắp tới chu kỳ khai thác.

Sau nhiều nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và toàn thể Công ty, đồng thời thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 đạt được như sau:



1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024

*** Kết quả của riêng Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn:**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	46,575	47,526	102,04%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,500	6,834	195,25%
3	Lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ	%	2,99	5,84	195,31%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,6	5,334	205,15%
5	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	11	11	100%

*** Kết quả sau khi hợp nhất Công ty Mẹ - Công ty Con:**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	47,820	48,234	100,86%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,500	6,834	195,25%
3	Lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ	%	2,99	5,84	195,31%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,6	5,334	205,15%
5	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	11	11	100%

1.1. Lĩnh vực trồng và khai thác rừng

1.1.1. Rừng cây nguyên liệu giấy:

Trồng và khai thác rừng nguyên liệu giấy vẫn luôn là một trong những hoạt động chính của Công ty trong những năm gần đây, thông qua việc hợp tác với Công ty Lâm nghiệp Bình Thuận với diện tích rừng 405,8 ha. Đây là mảng sản xuất kinh doanh bền vững mang lại hiệu quả cao. Trong năm 2024, Công ty đã tiến hành khai thác 98,27 ha Keo lai 2019, 2020, 2021 đạt hiệu quả với mức lãi gộp 1,852 tỷ và tiếp tục tập trung nguồn lực để chăm sóc, bảo vệ rừng cây Keo lai, đặc biệt là đối với phần diện tích sắp tới chu kỳ khai thác trong những năm tới.

Ngoài ra, để chủ động trong công tác trồng và khai thác rừng cây, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh doanh diện tích rừng cây tại Tân Thắng trong tương lai thì trong năm 2024, Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục làm việc với các sở ban ngành tỉnh Bình Thuận để Công ty được xem xét ký hợp đồng thuê đất rừng trực tiếp với tỉnh.

Đối với phần diện tích rừng cây cao su đã khai thác thanh lý tại Đắk Ô – Bình Phước, Công ty đã trồng lại cây Keo lai để nâng cao hiệu quả, đến cuối năm 2024 thì diện tích cây Keo lai được trồng tại Đắk Ô là 221,88 ha.

1.1.2. Rừng cây cao su:

Tính đến cuối năm 2024, tổng diện tích rừng cao su của Công ty tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước và Tây Ninh là 379,16 ha. Tại Xuân Lộc – Đồng Nai, yếu tố thổ nhưỡng không tốt đã ảnh hưởng đến vườn cây cao su, cây phát triển chậm và cho sản lượng mủ không cao, tại Đăk Ô – Bình Phước diện tích cây già cỗi đã đến giai đoạn thanh lý ngày càng nhiều làm cho sản lượng mủ cao su khai thác giảm mạnh so với các năm trước. Giá mủ cao su trên thị trường trong năm vẫn chưa có dấu hiệu khả quan và còn thấp. Công ty huy động nguồn lực để khai thác triệt để các vườn cây nhằm bù đắp chi phí.

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục tiến hành thanh lý một số diện tích rừng cây cao su già cỗi không còn hiệu quả tại xã Đăk Ô huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước để trồng lại cây Keo lai hiệu quả hơn. Tổng diện tích trong năm đã bàn giao khai thác thanh lý là 82,77 ha, lãi ròng đạt 12,573 tỷ.

Tính đến cuối năm 2024, tổng diện tích cây cao su già cỗi tại Đăk Ô đã được phê duyệt cho thanh lý là 286,87 ha. Đã bàn giao khai thác là 221,88 ha, số còn lại sẽ bàn giao khai thác trong năm 2025 là 64,99 ha. Tại rừng cao su Xuân Lộc, Công ty cũng đã thanh lý hơn 10 ha để bàn giao đất cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ Xuân Lộc.

1.2. Lĩnh vực chế biến gỗ

Trong năm 2024, ngành sản xuất đồ gỗ gặp rất nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa ngừng hoạt động, đối tác lâu năm của Công ty tại Nhà máy gỗ cũng đã ngưng hoạt động kể từ đầu năm 2024 do không có đơn hàng. Trong quý IV/2024, Công ty đã ký hợp đồng với một số đối tác mới để tiếp tục khai thác mặt bằng nhà xưởng tại Nhà máy gỗ.

1.3. Lĩnh vực chăn nuôi, kinh doanh cá sấu, sản phẩm da cá sấu

1.3.1. Chăn nuôi, kinh doanh cá sấu:

Năm 2024, việc chăn nuôi và kinh doanh cá sấu đang tạm thời phải thu gọn lại do Công ty bị thu hồi đất phục vụ cho dự án đường vành đai 3 của Nhà nước, Công ty chỉ còn nuôi hơn 40 con sấu lứa để duy trì ngành nghề và phục vụ cho việc kinh doanh sản phẩm da. Khi thuận lợi Công ty sẽ triển khai mở rộng kinh doanh để phát triển thương hiệu, duy trì ngành nghề và đồng thời phục vụ cho việc triển khai dự án tương lai của Công ty.

1.3.2. Kinh doanh sản phẩm da cá sấu:

Công ty đã đổi mới quá trình quảng bá sản phẩm, thương hiệu và cho triển khai nhiều chương trình khuyến mãi trong các dịp lễ trong năm, làm việc với các đối tác gia công cho ra các loại mẫu mã sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của khách hàng.

1.4. Lĩnh vực khai thác mặt bằng

Năm 2024, phần lớn các mặt bằng nhà đất của Công ty (đặc biệt là tại Thành phố Hồ Chí Minh) vẫn chưa được Nhà nước ký lại hợp đồng thuê đất cho Công ty cổ phần nên Công ty chưa thể triển khai kế hoạch thực hiện các dự án mở rộng sản xuất kinh doanh. Công ty vẫn phải tiếp tục khai thác công năng các mặt bằng nhà đất bằng hình thức hợp tác kinh doanh (theo Thông tư 200/2014/BTC) với các đối tác để tạo nguồn thu. Tuy

nhiên, vì hồ sơ pháp lý tại các mặt bằng chưa hoàn thiện nên Công ty cũng không thể khai thác hết công năng tại các mặt bằng này. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đang quản lý sử dụng 10 mặt bằng nhà đất, đang tìm kiếm, kêu gọi thêm các đối tác hợp tác kinh doanh trong bối cảnh suy thoái kinh tế, việc tìm kiếm khách hàng hợp tác kinh doanh càng khó khăn hơn, một số đối tác xin dừng hợp tác, công trình nhà xưởng tại các mặt bằng do lâu năm nên đã xuống cấp, vì lý do pháp lý nên việc xin giấy phép để sửa chữa nâng cấp không được các cơ quan chức năng cấp phép.

Năm 2024 là năm còn nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động, đóng cửa, một số đối tác của Công ty cũng rơi vào tình trạng này, đặc biệt là các đơn vị hoạt động xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, các chủ trương và chính sách mới của Nhà nước áp dụng đã tác động mạnh đến các lĩnh vực dịch vụ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các đối tác Công ty tại các mặt bằng hợp tác kinh doanh dịch vụ, rất nhiều đối tác trả mặt bằng và không tiếp tục hợp tác vì kinh doanh khó khăn. Công ty nhiều thời điểm phải hỗ trợ, chia sẻ khó khăn với đối tác. Thêm vào đó là tiền thuê đất trong năm 2024 tiếp tục tăng và Công ty lại không thuộc đối tượng được hỗ trợ giảm tiền thuê đất từ Nhà nước, ổn định tiền thuê đất 5 năm ... Tất cả các yếu tố trên làm cho hiệu quả kinh doanh tại các mặt bằng của Công ty trong năm 2024 chưa đạt như kỳ vọng, lãi gộp trong năm là 3,843 tỷ đồng.

1.5. Lĩnh vực kinh doanh tài chính, hợp tác góp vốn đầu tư

1.5.1. Kinh doanh tài chính:

Đây là cũng mảng kinh doanh mang lại lợi nhuận cho Công ty trong nhiều năm qua. Với nguồn vốn sẵn có, Công ty ký hợp đồng đầu tư tài chính với các đối tác uy tín lâu năm, doanh thu năm 2024 đạt khoảng 1,243 tỷ đồng.

1.5.2. Hợp tác góp vốn đầu tư:

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2024 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Forimex (Công ty con với tỷ lệ góp vốn 100%): Doanh thu từ các hoạt động tài chính (lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu, cổ phiếu) khoảng 0,708 tỷ đồng.

2. Công tác quản lý

- Trong năm 2024, nhằm thực hiện tốt vai trò quản lý, kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục thực hiện đúng các quy định, quy trình, định mức mà Nhà nước, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã ban hành.

- Công tác quản lý đảm bảo tính chặt chẽ, đúng qui định.

3. Công tác tổ chức nhân sự

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã thực hiện công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự tại văn phòng và các cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Số lượng nhân sự Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 46 người.

4. Công tác tài chính – kế toán, công bố thông tin

- Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm soát công tác kế toán theo quy định Pháp luật về kế toán - thống kê. Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán tài chính, quyết toán thuế, báo cáo thống kê theo quy định.

- Theo dõi, thu thập, phân tích, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo từng đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

- Công bố các báo cáo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về chế độ công bố thông tin của Pháp luật như: công bố báo cáo tài chính năm; giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán.

- Giải quyết kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư hợp tác của Công ty.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, hiệu quả hoạt động của Công ty định kỳ (tháng, quý, năm).

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ phục vụ cho các đợt kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính, kiểm tra quyết toán thuế ...

5. Công tác quản lý đất đai, mặt bằng nhà xưởng; thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai

5.1. Tại các tỉnh:

- Công tác quản lý đất đai luôn được Công ty giám sát chặt chẽ, nhiệm vụ được giao cụ thể cho từng đơn vị trồng và chăm sóc rừng tại từng địa phương của Công ty, mỗi đơn vị đều có nhân viên chuyên trách tuần tra, bảo vệ hàng ngày. Các đơn vị có báo cáo hàng ngày với bộ phận quản lý, khi có sự việc xảy ra sẽ nhanh chóng giải quyết. Trong năm 2024, đất rừng tại các địa phương được quản lý tốt, không bị lấn chiếm.

- Đối với 02 khu đất tại tỉnh Bình Phước và Tây Ninh, trong năm Ban lãnh đạo cùng các phòng chức năng Công ty đã liên tục làm việc với các sở ngành có liên quan để được ký lại hợp đồng thuê đất cho Công ty cổ phần; Giấy CNQSDĐ đã được cập nhật đổi tên. Khu đất rừng Tây Ninh đã được ký mới đồng thuê đất.

5.2. Đối với các mặt bằng đất đai, nhà xưởng tại Tp. Hồ Chí Minh:

- Công tác quản lý đất đai, nhà xưởng luôn đảm bảo tính chặt chẽ. Tại các mặt bằng nhà đất, Công ty đã có nhiều biện pháp phù hợp (làm lưới rào ranh đất, cử nhân viên tuần tra, bảo vệ hàng ngày) để quản lý, giám sát, không để bị lấn chiếm.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt công tác quyết toán chuyển thể, Ban lãnh đạo Công ty đã rất nỗ lực và bằng nhiều biện pháp đã làm việc với các sở ban ngành Thành phố để ký lại các hợp đồng thuê đất cho Công ty cổ phần. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan từ các sở ban ngành cùng với sự thay đổi một số quy định của pháp luật về đất đai thì trong năm 2024, phần lớn các hồ sơ pháp lý đất đai tại Thành phố của Công ty vẫn chưa được chuyển đổi tên sang cho Công ty cổ phần. Đến nay mới chỉ có khu đất trại sáu tại xã Phạm Văn Hai huyện Bình Chánh, Công ty đã được ký lại hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*** Nhận xét, đánh giá

- Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tập trung lãnh đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức và khó khăn. Công ty đã thu hẹp các ngành nghề không có hiệu quả và tập trung vốn vào các lĩnh vực đầu tư mới hiệu quả hơn.

- Công ty cổ phần chưa được giải quyết ký lại hợp đồng thuê đất tại các mặt bằng nhà đất nên gây trở ngại lớn trong việc hợp tác khai thác mặt bằng, đầu tư phát triển dự án và mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Chưa triển khai được chiến lược chuyển đổi ngành nghề kinh doanh để phát triển Công ty lâu dài, các hoạt động kinh doanh thương vụ và hợp tác khai thác các mặt bằng chỉ mang tính tạm thời trong thời gian chờ được ký lại các hợp đồng thuê đất.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do tình hình kinh tế chính trị bất ổn trên thế giới, lạm phát gia tăng, lĩnh vực xuất nhập khẩu gặp nhiều trở ngại và đặc biệt tiền thuê đất tại Thành phố Hồ Chí Minh sau điều chỉnh đã tăng lên rất cao (gấp 2 - 3,8 lần so với 2024)... Tuy nhiên, Công ty sẽ cố gắng phát huy những ưu điểm và kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế, khuyết điểm để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể nhân viên tập trung thực hiện tốt các chỉ tiêu trọng tâm sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2025		
			Công ty Forimex	Công ty con	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	44,039	0,802	44,841
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,600	0,702	2,600
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	117	25	117
4	Lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ	%	3,078%	2,808%	3,078%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,650	0,702	1,650
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	11,5	11,5	11,5

Lý giải về kế hoạch chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thấp hơn so với kết quả của năm 2024:

- Rừng cây cao su tại Bình Phước già cỗi và đã thanh lý một số diện tích để chuyển sang trồng cây Keo lai, tại các nơi khác do ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu và thổ nhưỡng làm cho cây cao su bị khô miệng nhiều nên tổng sản lượng mủ cao su khai thác

trong năm 2025 sẽ giảm nhiều và giá mủ cao su trên thị trường chưa có dấu hiệu khả quan. Do đó, lợi nhuận từ mảng khai thác mủ cao su của Công ty dự kiến giảm trong năm 2025.

- Trong năm 2025, lợi nhuận từ mảng hợp tác kinh doanh tại các mặt bằng sẽ giảm nhiều do số tiền thuê đất phải nộp tăng lên nhiều lần theo bảng tính giá đất mới tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty chưa được ký lại hợp đồng thuê đất nên không được ổn định giá thuê, không được hưởng chính sách ưu đãi về tiền thuê đất của Nhà nước). Ngoài ra, trong tình hình suy thoái chung của nền kinh tế, các đối tác của Công ty trả lại mặt bằng hợp tác và hiện nay Công ty rất khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác có ngành nghề kinh doanh phù hợp để khai thác các mặt bằng còn trống.

2. Giải pháp thực hiện

1.1. Giải pháp chung

- Tập trung củng cố phát triển ngành nghề truyền thống mang lại hiệu quả cao của Công ty đồng thời tìm kiếm các hoạt động kinh doanh thương vụ, hoạt động đầu tư tài chính; đầu tư dự án.

- Đảm bảo an toàn tài chính của Công ty, bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

- Tiếp tục làm việc với các Sở, ngành để thúc đẩy việc hoàn thành hồ sơ pháp lý đất đai cho tất cả các mặt bằng nhà đất Công ty đang quản lý, tiếp tục rà soát đánh giá lợi thế từng mặt bằng để từ đó có phương án sử dụng đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở khai thác các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế sẵn có của Công ty.

- Giám sát, theo dõi chặt chẽ, kịp thời quá trình điều hành hoạt động, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và Hội đồng Quản trị phê duyệt.

1.2. Giải pháp cụ thể từng lĩnh vực

2.2.1 Về lĩnh vực trồng rừng nguyên liệu giấy và cây cao su

- Tăng cường các mối quan hệ, làm việc với các tỉnh còn diện tích đất rừng để tạo quỹ đất tiếp tục hợp tác trồng rừng cây nguyên liệu giấy.

- Tiếp tục nghiên cứu và thực hiện tốt hơn việc thâm canh, đổi mới cây giống và mật độ trồng để nâng cao năng suất.

- Chuẩn bị phương án trồng 64,99 ha Keo lai thay thế cho cây cao su già cỗi đang khai thác thanh lý tại Đắk Ô, Bình Phước.

- Lên phương án tiếp tục thanh lý khoảng 100 ha cây cao su già cỗi, không còn hiệu quả tại Đắk Ô, Bình Phước.

2.2.2 Về nhà máy chế biến gỗ

Công ty tiếp tục tìm đối tác để khai thác mặt bằng nhà xưởng trong thời gian chờ được ký lại hợp đồng thuê đất và triển khai đầu tư dự án phù hợp.

2.2.3 Về lĩnh vực chăn nuôi, kinh doanh cá sấu, sản phẩm da

- Công ty vẫn duy trì một số lượng cá sấu lựa hợp lý để phục vụ cho việc lấy da và duy trì ngành nghề theo đúng mục đích sử dụng đất Nhà nước cho thuê. Thời gian tới, nếu thị trường Trung Quốc mở cửa thì Công ty sẽ xem xét phát triển đàn sấu lên để phục vụ việc xuất khẩu.

- Tận dụng các kênh bán hàng online phổ biến hiện nay để quảng bá sản phẩm rộng rãi đến người tiêu dùng. Công ty sẽ tiếp tục triển khai các chương trình, mở rộng thị trường tiêu thụ.

2.2.4 Về các mặt bằng

Bên cạnh việc tiếp tục hợp tác kinh doanh với các đối tác lâu năm nhằm khai thác có hiệu quả các mặt bằng, đem lại lợi nhuận thì Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các Sở, ngành để hoàn thành hồ sơ pháp lý đất đai cho tất cả các mặt bằng nhà đất Công ty đang quản lý. Tiếp tục rà soát đánh giá lợi thế từng mặt bằng, lên kế hoạch và có phương án tốt nhất (triển khai dự án, hợp tác kinh doanh...) để khai thác tối đa tiềm năng tại các mặt bằng.

2.2.5 Về đầu tư tài chính

Để nâng cao hiệu quả, ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên, Công ty dự kiến sẽ thực hiện hoạt động đầu tư tài chính từ nguồn vốn nhàn rỗi của Công ty và vốn huy động nếu xét thấy hoạt động đầu tư đem lại hiệu quả, đúng quy định.

2.2.6 Về đầu tư dự án

Trong năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục tìm hiểu thông tin quy hoạch sử dụng đất và các quy định của Nhà nước để đề xuất triển khai các dự án phù hợp tại các mặt bằng do Công ty quản lý sử dụng.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên xem xét thông qua./.

Trân trọng.



TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Toàn

Số: 01/2025/TTr-ĐHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

*Về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn*

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 13/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn với nội dung như sau:

1. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn sửa đổi, bổ sung ban hành ngày 23/4/2024 nhưng có một số điểm chưa đầy đủ để phù hợp với luật doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và hiện tại.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

Các nội dung sửa đổi:

- Khoản 2 Điều 3;
- Khoản 2 Điều 28;
- Khoản 2 Điều 36;
- Mục a khoản 1 Điều 37;

Nội dung bổ sung:

- Khoản 6 Điều 36;
- Mục i, j, k, l khoản 1 Điều 37.

3. Hiệu lực của Điều lệ mới sau khi sửa đổi, bổ sung:

Bản dự thảo Điều lệ mới sau khi được sửa đổi, bổ sung được đính kèm Tờ trình này để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn - bản đã sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 thông qua.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Việt Dương
Phạm Việt Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP SÀI GÒN

-----000-----

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
(Sửa đổi và bổ sung lần thứ sáu)



Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 17 tháng 4 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CỘNG HÒA VIỆT NAM	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	12
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	12
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	12
Điều 7. Cổ phiếu	13
Điều 8. Chứng khoán khác	13
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	13
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) ..	14
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	14
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	15
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	16
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 16. Đại diện được ủy quyền	20
Điều 17. Thay đổi các quyền	21
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	22

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	30
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	34
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	35
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	38
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	39
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	39
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	40
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	40
IX. BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát.....	41
Điều 37. Ban kiểm soát.....	43
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	44
Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng	44
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	45
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	46
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	47
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	47

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	47
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn	47
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	47
Điều 43. Phân phối lợi nhuận	47
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	48
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	48
Điều 45. Năm tài chính	48
Điều 46. Chế độ kế toán.....	48
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	49
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	49
Điều 48. Báo cáo thường niên	49
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	49
Điều 49. Kiểm toán	49
XVII. CON DẤU	50
Điều 50. Con dấu	50
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	50
Điều 51. Chấm dứt hoạt động	50
Điều 52. Thanh lý	50
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	51
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	51
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	51
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 55. Ngày hiệu lực	51

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày [23] tháng [04] năm [2024].

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - e. "Người điều hành" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - f. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - g. "Cán bộ quản lý khác" là các chức danh trưởng phòng, phó phòng, trưởng ban, phó ban, giám đốc Nhà máy chế biến gỗ, trưởng đội trồng rừng, trưởng trại nuôi cá sấu và tương đương do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
 - i. "Công ty/FRM" là Công ty cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn;
 - j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CỬA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a. Tên tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP SÀI GÒN

b. Tên tiếng Anh:

SAIGON FORESTRY IMPORT- EXPORT JOINT STOCK COMPANY

c. Tên viết tắt: **FORIMEX**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a. Địa chỉ: 08 Hoàng Hoa Thám, P.7, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

b. Điện thoại: (028) 3510 8880

c. Fax: (028) 3843.1335

d. E-mail: lamnghiepsaigon@forimex.vn

e. Website: www.forimex.vn

f. Logo của Công ty:



4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Công ty có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Trường hợp công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Hội đồng quản trị sau khi xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về số lượng, quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật, Hội đồng quản trị sẽ quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Mỗi người chịu đại diện theo pháp luật có quyền, nghĩa vụ thuộc lĩnh vực nào thì sẽ là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba của lĩnh vực đó, phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp ở quyền và nghĩa vụ tương ứng theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Về chức danh là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Công ty cổ phần: Trường hợp có 1 người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty tùy theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty có hai người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp công ty có hơn hai người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Người đại diện theo pháp luật được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại và thực hiện các công việc khác theo sự phân công và ủy quyền của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác hoặc có ủy quyền cho người khác nhưng đã hết thời hạn ủy quyền trên 30 ngày hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

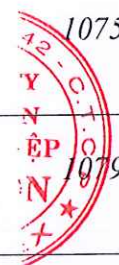
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

STT	Tên ngành	Mã ngành
-----	-----------	----------

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100 (chính)
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản	6810
3	Bán buôn gạo (không hoạt động tại trụ sở)	4631
4	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở)	4632
5	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: bán buôn vải, thảm đệm, chăn màn, rèm, drap trải giường, gối và hàng dệt khác, hàng may mặc, giày dép	4641
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; dụng cụ thể dục, thể thao; đồng hồ, mắt kính và đồ trang sức	4649
7	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; đại lý , môi giới	4610
8	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
9	Khai thác gỗ	0221
10	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: kinh tế, phòng hộ và rừng đặc dụng (không hoạt động tại trụ sở)	0210
11	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác (không hoạt động tại trụ sở)	0230
12	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	0240
13	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

STT	Tên ngành	Mã ngành
	(không hoạt động tại trụ sở)	
14	Sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	0323
15	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (không hoạt động tại trụ sở)	1512
16	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: khai thác lâm sản khác (không hoạt động tại trụ sở)	0222
17	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)	1075
18	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	1079
19	Chăn nuôi khác Chi tiết: chăn nuôi cá sấu (không hoạt động tại trụ sở)	0149
20	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (không hoạt động tại trụ sở)	1322
21	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	1329
22	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (không hoạt động tại trụ sở)	1410
23	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú (không hoạt động tại trụ sở)	1511
24	Sản xuất giày dép (không hoạt động tại trụ sở)	1520
25	Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1610
26	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở)	1621



STT	Tên ngành	Mã ngành
27	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	1622
28	Sản xuất bao bì bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1623
29	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở)	1629
30	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (không hoạt động tại trụ sở)	1702
31	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	1709
32	Xây dựng nhà các loại	4100
33	Phá dỡ	4311
34	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
36	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở)	4520
37	Bán buôn đồ uống	4633
38	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
39	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
40	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: bán buôn xăng, dầu, nhờn (không hoạt động tại trụ sở)	4661
41	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ rượu	4723
43	Bán lẻ lương thực, thực phẩm , đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện theo quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban	4711

STT	Tên ngành	Mã ngành
	nhân dân Tp.Hồ Chí Minh)	
44	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
45	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không hoạt động tại trụ sở)	5210
46	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
47	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)	9329
48	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi)	5229
49	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo Hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) (không hoạt động tại trụ sở)	5621
50	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không hoạt động tại trụ sở)	5630
51	Cho thuê xe có động cơ	7710
52	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
53	Hoạt động thể thao khác (không hoạt động tại trụ sở)	9319
54	Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật (không hoạt động tại trụ sở)	
55	Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	
56	Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn Giám sát, thiết kế thi công ngành trang trí nội thất	
57	Sản xuất điện: Điện gió, điện mặt trời, điện khác	
58	Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	
59	Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	
60	Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	
61	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	
62	Trồng cây lâu năm khác (trồng cây cảnh lâu năm)	

STT	Tên ngành	Mã ngành
63	Xây dựng công trình điện	
64	Lắp đặt hệ thống điện	

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Công ty là 117.000.000.000 đồng (một trăm mười bảy tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.700.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
- Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
8. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
 - b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Cổ phần phát hành cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP), cổ phần phát hành riêng lẻ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các trường hợp phát hành khác. Mức chiết khấu trong các trường hợp này được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông từng thời điểm.
 - d. Các trường hợp phát hành khác được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông từng thời điểm.
9. Công ty không có cổ đông sáng lập.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng khoán khác

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần



leh

1. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cơ bản năm do Ngân hàng nhà nước áp dụng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu cổ phần trong Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền, hoặc hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần phổ thông tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử/đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 3 Điều 36 Điều lệ này;
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a. Yêu cầu hoặc thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 14 Điều lệ này, Khoản 2 và 3 Điều 115 và Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Đề xuất vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 5 Điều 18;
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
5. Cổ đông nước ngoài được phép sở hữu tối đa đến 100% vốn cổ phần của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác thấp hơn tỷ lệ trên.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
 8. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 9. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
 10. Không thực hiện các hành vi gây tổn hại, ảnh hưởng, hoặc có nguy cơ gây tổn hại, ảnh hưởng cho Công ty.
 11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm một (1) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính 06 tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành, phải được lập thành văn bản có nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý, người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 có quyền thay Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, việc phát hành và chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty; các phương án khác làm thay đổi vốn điều lệ của Công ty; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó, mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- g. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- h. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- i. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- j. Kiểm tra, xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
- l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- n. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
- o. Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất;
- p. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất giữa Công ty và cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó, trừ trường hợp bị cấm theo pháp luật chứng khoán, quy định áp dụng cho công ty đại chúng và pháp luật có liên quan;
- q. Chấp thuận các giao dịch quy định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật chứng khoán, quy định áp dụng cho công ty đại chúng và pháp luật có liên quan;

- r. Lựa chọn công ty kiểm toán hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - s. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau tại cuộc họp thường niên:
- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - e. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Cổ đông không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm o, p, q Khoản 1 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch đó hoặc có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch đó;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện được ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông là cá nhân được quyền cử tối đa một (01) người khác dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty (được gửi đính danh đến cổ đông cùng với thông báo/giấy mời họp) và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

- b. Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền và các giấy tờ cần thiết khác theo quy định của Công ty để chứng minh tính xác thực và hợp lệ của việc ủy quyền trước khi vào phòng họp.

- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

- 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi:
 - a. Được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% loại cổ phần ưu đãi nói trên tham dự họp tán thành trong trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - b. Được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% loại cổ phần ưu đãi nói trên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành tham dự. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Nội dung danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân theo Khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu đã có danh sách ứng viên);
 - f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - h. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu trên phải được đưa ra cho Công ty chậm nhất **năm (05)** ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành, có ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối đề xuất quy định tại Khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất tại Khoản 5 Điều 18 trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Khoản 5 Điều này;
 - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;
 - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành họp khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp có quyền xem xét huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 4 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến, hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
4. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
9. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. (Cách thức tiến hành chi tiết được nêu trong quy chế quản trị nội bộ của công ty).

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
14. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 6 Điều 21, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (bao gồm cổ đông tự mình biểu quyết hoặc thông qua đại diện được ủy quyền).
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty; hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm n, o, p, q Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này: được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc được thay thế bằng việc đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm được thông qua.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, cụ thể gồm:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Công ty phát hành thêm cổ phiếu (thông qua chào phát cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng) để tăng vốn điều lệ;
 - d. Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
 - e. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - f. Quyết định thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ
 - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
 - i. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - j. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - k. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - l. Tất cả các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định của pháp luật và bao gồm chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;

- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và con dấu của tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty bằng hình thức gửi thư phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
 - j. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
2. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.



5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, nghị quyết được thông qua và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
 - g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: là 05 (năm) thành viên.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó có đơn từ chức;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định, bao gồm những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các Cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - h. Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; giá chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - i. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
 - j. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- k. Phê chuẩn các vấn đề quy định tại Khoản 4 Điều 27 Điều lệ này;
 - l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Cán bộ quản lý của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng ký giữa Công ty với những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - m. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - n. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - p. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - r. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
 - s. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trừ trường hợp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh và các hợp đồng giao dịch khác) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
 - d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất.
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, với giá trị thấp hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
 - g. Các hình thức đầu tư ra ngoài công ty: Góp vốn để thành lập doanh nghiệp; Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới; Mua hoặc bán cổ phần, góp vốn tại các công ty khác trong và ngoài nước; Mua lại tài sản của 1 doanh nghiệp khác; Mua bán công trái, trái phiếu; Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật; (trừ các hình thức ở Điểm c Khoản 4 Điều 27 của Điều lệ này);

- h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần do Công ty phát hành;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác có mang lại hiệu quả kinh doanh, mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch HĐQT.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị được thay mặt Công ty thực hiện các công việc theo sự phân công và ủy quyền của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại và thực hiện các công việc khác theo sự phân công và ủy quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các quy định của Đại hội cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
9. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của Công ty.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành doanh nghiệp khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;

c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d. Ban kiểm soát.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều 30 này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều 30 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng thư/thư điện tử/fax. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 8 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 8 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Quyết định của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó.
9. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
10. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo một trong các hình thức: họp trực tiếp; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến; hoặc tổ chức lấy ý kiến thành viên từ xa qua thư/fax/thư điện tử (email) hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp những phương thức này, hoặc hình thức tương tự khác.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và/hoặc có mặt và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp (Việc ủy quyền này phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận).
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc tham gia có ý kiến từ xa qua thư/fax/thư điện tử (email) hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp những phương thức này, hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết được tổ chức theo quy định tại Khoản 10 Điều 30 trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (ngoại trừ trường hợp cuộc họp được tổ chức qua điện thoại như quy định tại Khoản 13 Điều này). Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ... Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm thư ký công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này tại Công ty và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Trường hợp Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Tổng giám đốc được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại và thực hiện các công việc khác theo sự phân công và ủy quyền của Hội đồng quản trị.
 - c. Quyết định các vấn đề liên quan đến việc kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị theo những thông lệ quản lý tốt nhất, bao gồm việc tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Trường hợp Tổng Giám đốc được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì Tổng Giám đốc được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại trong phạm vi ủy quyền;

- d. Kiến nghị số lượng và các loại Người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp;
 - e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - f. Chậm nhất trong tháng cuối cùng của Quý I hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
4. Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên.
- Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc trường hợp sau:
- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán
2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số các thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Trưởng ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 168 Luật Doanh nghiệp. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số các thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- d. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- e. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- f. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

- a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (ii) Trình độ học vấn;
- (iii) Trình độ chuyên môn;
- (iv) Quá trình công tác;
- (v) Các thông tin khác (nếu có).

- b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

- c. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
- 4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.
- 5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; Thành viên đó bị cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 6. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 37. Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, và các quyền, nghĩa vụ sau: chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty qua tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính;

Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

leh

- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
 - i. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - j. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và cổ đông.
 - k. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - l. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của điều lệ này.
 - m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 - 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
 - 4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.
- X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 38. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty mà không được tư lợi cá nhân hay phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Không mâu thuẫn với quy định tại Khoản 5 Điều này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trừ trường hợp được cho phép theo Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tính trên tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này theo tỷ lệ biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định trong Điều lệ này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện theo thẩm quyền.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Công ty theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Tổng Giám đốc Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này; và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Công ty.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;

- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Điều lệ công ty được sửa đổi, bổ sung phải bao gồm họ, tên và chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 55 Điều có hiệu lực từ ngày 17 tháng 04 năm 2025, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 17 tháng 04 năm 2025 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

2. Điều lệ được lập thành bốn (04) bản, có giá trị như nhau và được lưu trữ tại trụ sở chính Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM NGỌC TOÀN

Chủ tịch HĐQT



ĐỖ ANH DŨNG

